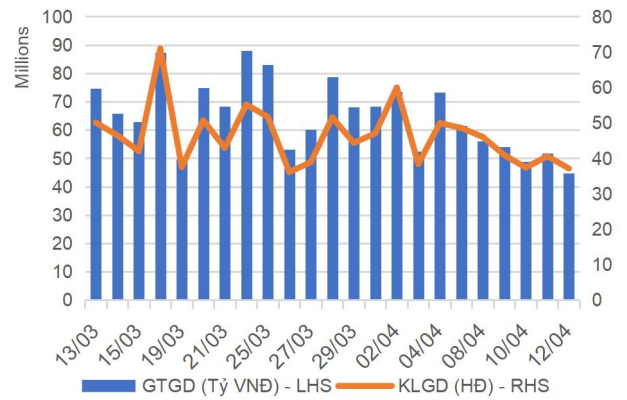
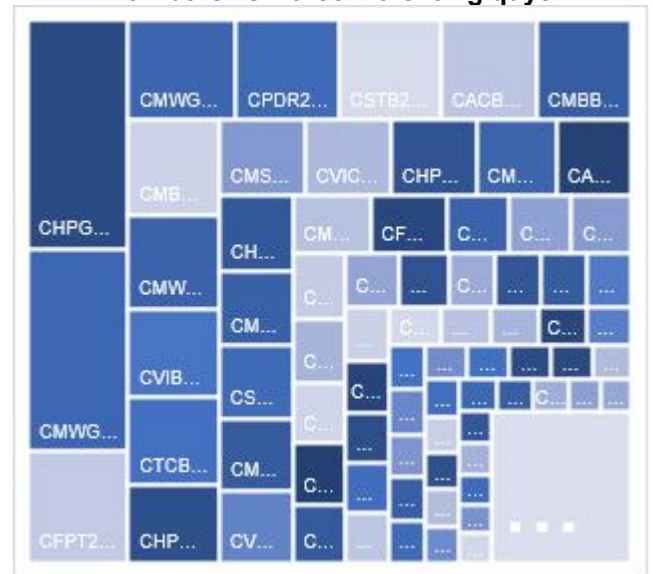


Thị trường cơ sở có diễn biến tích cực trong phiên cuối tuần và các cổ phiếu cơ sở trong nhóm VN30 đồng loạt tăng điểm. Thanh khoản của thị trường chứng quyền giảm nhẹ so với phiên trước và các chứng quyền của HPG, MWG và MBB vẫn là những mã được giao dịch tích cực nhất. Xu hướng ngắn hạn của các cổ phiếu cơ sở đã chuyển biến tích cực hơn tuy nhiên, chúng tôi khuyến nghị NĐT có thể tận dụng nhịp hồi của thị trường cơ sở để hạ tỷ trọng các chứng quyền đang nắm giữ.

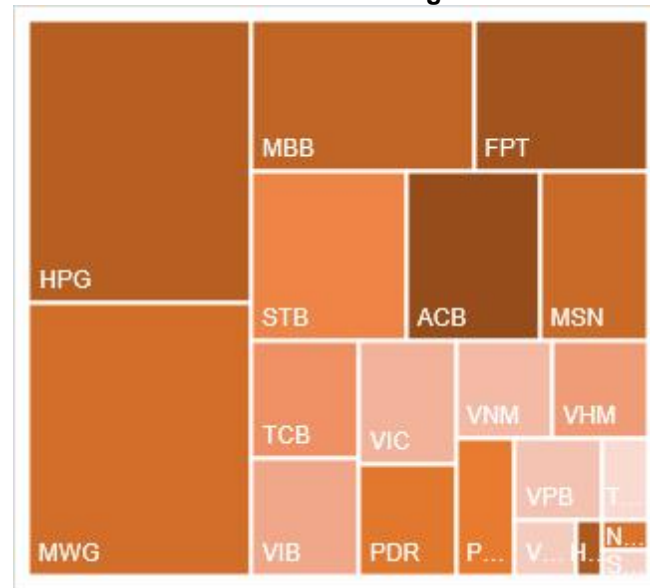
Giá trị giao dịch và Khối lượng giao dịch



Phân bổ GTGD theo mã chứng quyền



Phân bổ GTGD theo mã chứng khoán cơ sở



Nguồn: YSVN

KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRONG PHIÊN VÀ CÁC CHỈ SỐ LIÊN QUAN

Mã	Thay đổi(+/-%)	Đóng cửa	KLGD (Hợp đồng)	GTGD (tỷ VNĐ)	Trạng thái tiền	Premium	Đòn bẩy	Số phiên còn lại	Độ biến động ngầm định
CACB2304	7.6%	2130	110,000	0.24	ITM	5.0%		166	42%
CACB2305	12.9%	960	827,300	0.758	ITM	6.3%		180	41%
CACB2306	10.0%	2090	742,100	1.465	ITM	1.0%		101	0%
CACB2307	12.5%	720	264,300	0.174	ITM	4.7%		131	35%
CACB2401	5.7%	1850	5,100	0.008	ITM	2.5%		68	36%
CFPT2305	3.0%	4800	4,600	0.021	ITM	-0.7%	2.43	5	0%
CFPT2309	1.1%	4500	141,800	0.641	ITM	0.1%	3.25	24	0%
CFPT2310	0.2%	4230	5,000	0.021	ITM	2.1%	3.39	115	46%
CFPT2313	3.3%	2190	193,300	0.409	ITM	5.5%	4.49	119	47%
CFPT2314	1.4%	2810	636,400	1.781	ITM	10.9%	3.29	272	47%
CFPT2315	0.0%	4120	-	0	ITM	-2.2%	3.50	12	0%
CFPT2316	0.9%	3450	163,600	0.564	ITM	0.9%	3.32	101	0%
CFPT2317	1.9%	1610	146,300	0.233	ITM	8.4%	3.81	223	41%
CFPT2318	3.2%	2590	92,000	0.234	ITM	3.7%	4.94	94	44%
CHDB2306	6.3%	1680	233,600	0.37	ITM	3.7%	3.89	75	64%
CHPG2309	0.5%	2120	107,300	0.226	ITM	1.4%	4.62	42	57%
CHPG2315	4.4%	1670	2,400	0.003	ITM	15.0%	3.32	73	108%
CHPG2316	0.8%	1190	250,400	0.293	ITM	12.3%	4.05	164	50%
CHPG2319	-1.5%	670	143,600	0.093	OTM	9.5%	6.06	75	49%
CHPG2321	0.0%	1750	14,100	0.024	ITM	-0.7%	5.70	5	0%
CHPG2322	-3.8%	1530	71,600	0.109	OTM	10.4%	5.48	96	48%
CHPG2326	-2.7%	710	636,600	0.446	ITM	1.3%	9.15	24	42%
CHPG2328	-9.0%	1010	19,400	0.019	ITM	1.9%	11.15	24	39%
CHPG2329	-0.6%	1600	105,900	0.171	ITM	7.5%	5.95	115	38%
CHPG2331	-1.2%	830	284,800	0.236	ITM	10.1%	4.17	180	44%
CHPG2332	0.0%	860	138,600	0.118	ITM	12.4%	3.87	213	45%
CHPG2333	-1.1%	860	133,600	0.115	ITM	14.1%	3.75	241	45%
CHPG2334	0.0%	690	314,500	0.216	ITM	16.9%	3.40	272	47%
CHPG2336	-4.6%	620	24,600	0.013	ITM	2.1%	9.74	24	48%
CHPG2337	-2.4%	820	4,600	0.003	ITM	10.0%	5.32	84	53%
CHPG2338	-0.8%	1180	40,100	0.045	OTM	15.9%	3.71	178	54%
CHPG2339	-3.1%	3450	500	0.001	OTM	23.9%	2.58	269	65%
CHPG2340	0.0%	1790	-	0	ITM	1.4%	5.57	12	107%
CHPG2341	-4.3%	1340	139,700	0.188	OTM	9.1%	6.27	101	41%
CHPG2342	1.1%	910	541,900	0.496	ITM	10.5%	2.83	223	63%
CHPG2343	8.5%	1150	368,400	0.413	ITM	5.0%	6.33	63	47%
CHPG2401	-27.0%	460	10,900	0.004	OTM	8.1%	9.97	68	34%
CMBB2306	10.6%	4580	66,800	0.296	ITM	0.3%	3.17	42	0%
CMBB2309	12.8%	1410	681,000	0.921	ITM	0.0%	4.37	24	0%
CMBB2311	12.9%	2810	95,700	0.252	ITM	-0.1%	4.38	24	0%
CMBB2312	15.1%	2900	224,300	0.608	ITM	2.6%	3.95	115	42%
CMBB2314	14.6%	1410	567,800	0.76	ITM	4.0%	3.96	119	48%
CMBB2315	10.8%	1740	750,200	1.246	ITM	9.4%	3.00	272	49%
CMBB2316	10.1%	760	118,700	0.08	ITM	3.8%	3.24	24	163%
CMBB2317	15.1%	1070	404,000	0.393	ITM	2.8%	4.14	131	36%
CMBB2318	2.8%	1830	104,900	0.19	ITM	2.7%	3.21	164	41%
CMBB2401	0.8%	2390	63,200	0.15	ITM	0.5%	4.90	68	0%
CMSN2302	3.4%	1820	76,400	0.137	ITM	7.0%	5.27	42	81%
CMSN2307	-17.1%	340	129,400	0.044	OTM	20.2%	4.65	75	54%
CMSN2311	0.0%	420	287,100	0.124	OTM	27.8%	3.98	115	52%
CMSN2313	1.1%	930	46,400	0.043	OTM	24.2%	3.21	180	59%
CMSN2315	-35.7%	90	28,400	0.001	OTM	15.3%	5.08	24	57%
CMSN2316	-13.3%	720	23,000	0.016	OTM	26.8%	3.36	178	55%
CMSN2317	0.0%	1320	67,600	0.088	OTM	35.5%	2.44	269	60%
CMWG2305	-1.2%	4280	19,200	0.081	ITM	1.2%	3.06	42	82%
CMWG2309	-11.1%	320	1,202,100	0.388	OTM	6.9%	11.87	24	48%
CMWG2310	1.0%	1060	12,100	0.012	OTM	15.0%	4.71	115	52%

CMWG2312	-5.9%	320	746,700	0.211	OTM	9.5%	7.50	13	65%
CMWG2313	-2.4%	1220	798,800	0.973	ITM	10.2%	4.57	119	51%
CMWG2314	-2.0%	1000	195,800	0.193	ATM	19.2%	3.16	272	52%
CMWG2315	-7.4%	250	230,300	0.056	ITM	3.6%	8.14	24	66%
CMWG2316	1.6%	1300	434,300	0.547	ITM	7.3%	4.72	133	42%
CMWG2317	0.0%	580	-	0	ITM	2.8%	11.27	12	68%
CMWG2318	-0.5%	1940	153,800	0.296	ITM	3.2%	4.01	101	48%
CNVL2305	10.0%	1320	13,600	0.016	ITM	25.9%	2.60	75	160%
CPDR2305	-0.6%	3060	79,700	0.242	ITM	1.6%		75	75%
CPOW2306	0.0%	90	10,500	0	OTM	43.8%		75	61%
CPOW2308	-66.7%	10	1,254,500	0.022	OTM	7.1%		5	66%
CPOW2309	20.0%	60	41,800	0.002	OTM	30.0%		35	65%
CPOW2313	6.7%	320	22,600	0.007	OTM	20.2%		84	55%
CPOW2314	1.7%	610	223,000	0.122	OTM	27.4%		178	58%
CPOW2315	0.0%	840	74,000	0.061	OTM	34.5%		269	60%
CSHB2302	5.6%	190	384,100	0.064	OTM	9.5%		24	61%
CSHB2303	8.2%	530	316,400	0.159	OTM	18.6%		83	67%
CSHB2304	0.0%	290	101,100	0.029	OTM	16.1%		84	73%
CSHB2305	11.8%	380	59,000	0.02	OTM	27.9%		178	73%
CSHB2306	0.9%	1150	122,300	0.137	OTM	33.4%		269	70%
CSTB2306	-10.8%	660	868,600	0.61	OTM	7.6%	9.95	42	43%
CSTB2312	4.8%	220	810,900	0.178	OTM	18.3%	6.98	73	48%
CSTB2313	5.3%	400	55,400	0.022	OTM	29.1%	4.30	164	51%
CSTB2316	5.6%	190	2,800	0	OTM	28.1%	4.20	75	57%
CSTB2318	10.5%	210	204,100	0.041	OTM	12.9%	8.48	35	52%
CSTB2319	-4.8%	200	517,700	0.108	ITM	-1.0%	15.87	5	0%
CSTB2322	5.0%	210	2,269,700	0.489	OTM	6.0%	14.05	24	43%
CSTB2324	13.3%	170	87,600	0.015	OTM	8.9%	12.02	24	49%
CSTB2325	1.3%	760	2,700	0.002	OTM	18.7%	4.11	115	59%
CSTB2326	0.0%	120	-	0	OTM	14.2%	4.84	13	65%
CSTB2327	11.4%	390	243,500	0.093	OTM	18.0%	5.06	119	50%
CSTB2328	6.0%	530	228,900	0.118	OTM	28.0%	3.20	272	53%
CSTB2330	-14.3%	60	2,345,700	0.127	OTM	17.7%	6.88	24	56%
CSTB2331	0.0%	200	624,700	0.118	OTM	23.7%	6.02	84	50%
CSTB2333	0.0%	1800	-	0	OTM	36.5%	2.92	269	56%
CSTB2334	0.0%	1570	495,900	0.778	ITM	9.0%	4.29	133	49%
CSTB2335	0.0%	320	-	0	OTM	9.8%	5.58	12	87%
CSTB2336	11.1%	200	422,500	0.083	OTM	10.0%	9.93	39	47%
CSTB2337	0.0%	1110	45,500	0.05	ITM	19.5%	2.58	223	73%
CSTB2338	5.3%	790	3,253,800	2.723	ITM	7.8%	6.89	63	47%
CSTB2401	66.7%	950	300	0	OTM	16.3%	4.17	68	71%
CTCB2302	9.8%	6720	45,600	0.288	ITM	-0.5%	2.35	42	0%
CTCB2306	14.7%	3830	42,000	0.153	ITM	-0.2%	3.09	24	0%
CTCB2307	19.4%	3940	14,500	0.047	ITM	5.0%	2.92	115	75%
CTCB2309	12.0%	4590	26,700	0.115	ITM	2.9%	3.21	166	40%
CTCB2310	12.8%	1760	689,800	1.165	ITM	3.5%	3.12	180	43%
CTCB2311	0.0%	4570	-	0	ITM	-3.6%	3.46	12	0%
CTCB2312	6.1%	4850	7,200	0.033	ITM	-0.5%	3.22	94	0%
CTCB2401	-3.0%	6690	3,000	0.018	ITM	0.0%	3.51	68	0%
CTPB2304	-10.0%	270	36,900	0.009	OTM	6.8%		24	66%
CTPB2305	14.0%	490	50,300	0.022	OTM	13.9%		84	61%
CTPB2306	7.0%	1520	157,200	0.217	OTM	22.6%		178	65%
CTPB2401	0.0%	950	78,000	0.074	ITM	9.1%		68	55%
CVHM2302	-5.1%	370	139,700	0.053	OTM	15.7%	5.06	42	56%
CVHM2307	10.0%	110	119,200	0.014	OTM	42.8%	0.75	75	63%
CVHM2311	-6.3%	300	71,700	0.02	OTM	39.3%	1.97	115	56%
CVHM2312	-25.0%	30	378,200	0.009	OTM	26.2%	0.70	24	58%
CVHM2313	4.1%	510	692,100	0.34	OTM	23.8%	3.39	180	55%
CVHM2315	33.3%	80	26,400	0.001	OTM	15.8%	3.37	24	60%
CVHM2316	0.0%	350	122,700	0.038	OTM	21.4%	3.60	84	59%
CVHM2317	7.3%	590	1,227,100	0.698	OTM	28.2%	2.93	178	58%
CVHM2318	7.4%	1310	274,700	0.353	OTM	34.8%	2.39	269	60%

CVHM2319	0.0%	180	21,800	0.004	OTM	18.9%	0.13	12	107%
CVHM2401	-3.1%	1260	14,100	0.018	ITM	8.0%	5.72	68	55%
CVIB2302	16.1%	3100	173,400	0.489	ITM	0.1%		42	0%
CVIB2304	7.5%	1290	890,500	1.038	ITM	3.6%		119	43%
CVIB2305	6.3%	840	863,500	0.701	ITM	11.4%		272	42%
CVIB2306	4.6%	4080	1,200	0.004	ITM	3.6%		133	61%
CVIB2307	9.9%	1330	46,400	0.058	ITM	11.5%		131	70%
CVIB2401	-16.2%	1810	72,400	0.125	ITM	1.4%		68	30%
CVIC2306	0.0%	440	700	0	OTM	35.7%	0.65	75	88%
CVIC2308	0.0%	510	581,000	0.3	OTM	13.7%	4.75	119	50%
CVIC2309	-1.7%	580	200,900	0.119	OTM	19.3%	3.82	180	50%
CVIC2312	7.5%	430	216,200	0.083	OTM	16.9%	3.97	84	62%
CVIC2313	-1.5%	650	1,393,800	0.884	OTM	23.7%	3.02	178	60%
CVIC2314	-1.6%	1860	427,900	0.767	OTM	31.8%	2.23	269	66%
CVNM2306	0.0%	410	186,600	0.074	OTM	13.3%	5.87	75	47%
CVNM2308	-2.9%	340	267,800	0.089	OTM	5.4%	11.35	24	47%
CVNM2310	0.0%	320	94,500	0.028	OTM	22.2%	4.60	119	44%
CVNM2311	0.0%	590	794,500	0.467	OTM	26.2%	4.14	272	39%
CVNM2313	0.0%	40	20,300	0	OTM	24.0%	0.26	24	63%
CVNM2314	0.0%	550	376,300	0.197	OTM	34.1%	2.54	178	52%
CVNM2315	-5.9%	1750	100	0	OTM	#####	0.00	269	500%
CVNM2316	-3.1%	630	10,200	0.006	ITM	4.8%	9.07	12	104%
CVPB2305	1.3%	760	195,300	0.145	ITM	-1.9%	9.06	5	0%
CVPB2309	0.0%	60	1,225,100	0.064	OTM	10.0%	18.95	24	41%
CVPB2311	20.0%	540	177,700	0.088	ITM	4.4%	10.79	24	49%
CVPB2312	9.1%	960	171,900	0.162	OTM	10.9%	5.87	115	42%
CVPB2314	4.3%	240	489,500	0.112	OTM	20.8%	7.04	119	42%
CVPB2315	6.3%	340	964,500	0.321	OTM	28.4%	4.29	272	44%
CVPB2316	-11.1%	80	80,700	0.004	OTM	15.4%	5.73	24	66%
CVPB2317	4.3%	240	37,800	0.008	OTM	20.8%	5.89	84	52%
CVPB2318	6.8%	470	469,300	0.21	OTM	28.0%	3.89	178	54%
CVPB2319	-4.5%	1500	37,000	0.057	OTM	36.1%	2.71	269	61%
CVPB2320	0.0%	190	-	0	OTM	9.2%	7.14	12	78%
CVPB2321	6.3%	510	275,800	0.14	ITM	9.5%	3.93	131	55%
CVPB2322	1.7%	590	88,200	0.051	OTM	13.5%	4.71	164	44%
CVRE2303	-2.4%	400	705,900	0.293	OTM	8.5%	8.80	42	47%
CVRE2308	0.0%	300	-	0	OTM	36.0%	1.48	75	83%
CVRE2312	-10.0%	90	97,600	0.007	OTM	15.4%	6.56	24	59%
CVRE2313	2.9%	350	45,400	0.014	OTM	28.0%	3.99	115	56%
CVRE2315	0.0%	280	457,100	0.124	OTM	33.5%	3.10	180	59%
CVRE2317	0.0%	30	130,100	0.004	OTM	24.7%	2.33	24	62%
CVRE2318	5.0%	210	76,100	0.015	OTM	31.8%	3.42	84	59%
CVRE2319	-7.5%	370	149,500	0.053	OTM	37.7%	3.54	178	53%
CVRE2320	5.1%	1440	23,400	0.031	OTM	45.8%	2.32	269	62%
CVRE2321	0.0%	150	300	0	OTM	22.6%	0.12	12	127%
CVRE2322	0.9%	1110	15,300	0.016	ITM	13.2%	4.19	101	63%
CVRE2323	14.3%	640	12,900	0.008	OTM	10.6%	6.13	63	54%

Nguồn: FiinPro, YSVN

Premium = (Giá thực hiện + Giá chứng quyền x Tỷ lệ chuyển đổi) - Giá hiện tại của CKCS (Chênh lệch giữa Giá hòa vốn và giá hiện tại của CKCS).
 Đòn bẩy (Effective gearing) càng cao thì độ biến động theo CKCS càng lớn.

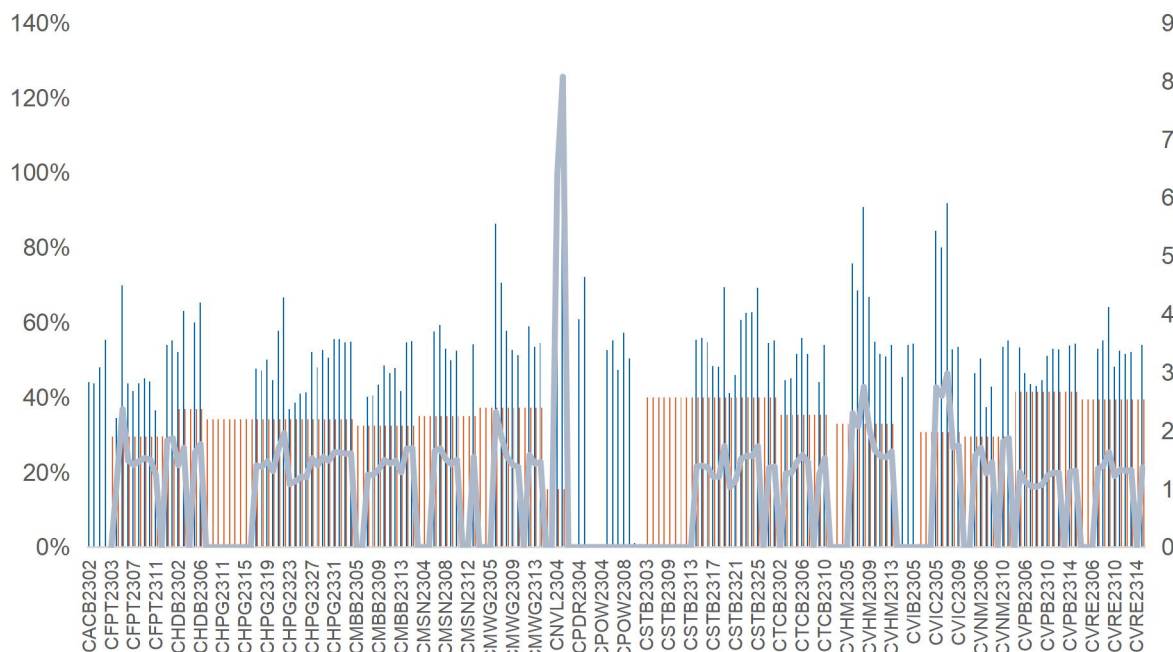
Để hạn chế rủi ro, NĐT nên lựa chọn những Chứng quyền đang có Trạng thái tiền dương (ITM), có Tỷ lệ Premium hoặc Độ biến động ngầm định thấp. Ngoài ra, NĐT cũng nên ưu tiên giao dịch các Chứng quyền có Số phiên còn lại (thời gian tới khi đáo hạn) cao (trên 02 tuần) để hạn chế rủi ro

BẢNG TỔNG HỢP KHUYẾN NGHỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU CƠ SỞ

Mã	Giá khuyến nghị	Giá hiện tại	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức mục tiêu ngắn hạn	Upside ngắn hạn so với giá hiện tại	Mức cắt lỗ ngắn hạn	Reward/Risk
CTD		70,90	GIẢM	TĂNG			73,36	-
DPM		34,70	GIẢM	TĂNG			36,11	-
FPT	99,90	115,50	TĂNG	TĂNG	111,89	-3%	112,00	(0,99)
HDB	23,90	24,30	TĂNG	TĂNG	25,77	6%	23,03	2,14
HPG		29,95	GIẢM	TĂNG			30,64	-
MBB		24,65	GIẢM	TĂNG			24,73	-
MSN		71,90	GIẢM	TĂNG			75,63	-
MWG	49,10	52,00	TĂNG	TĂNG	55,64	7%	48,86	27,28
NVL	17,10	17,70	TĂNG	TĂNG	19,47	10%	17,24	(16,76)
PNJ	103,10	103,10	TĂNG	TĂNG	116,19	13%	97,51	2,34
REE	58,30	62,80	TĂNG	TĂNG	66,51	6%	60,58	(3,60)
STB		29,10	GIẢM	TĂNG			30,28	-
TCB	42,30	47,40	TĂNG	TĂNG	45,77	-3%	44,97	(1,30)
VHM	44,20	44,50	TĂNG	GIẢM	47,35	6%	42,99	2,60
VIC	47,00	48,45	TĂNG	TĂNG	53,39	10%	46,68	20,20
VJC	107,00	107,00	TĂNG	TĂNG	116,08	8%	100,20	1,34
VNM		66,70	GIẢM	GIẢM			68,36	-
VPB	19,60	19,70	TĂNG	GIẢM	22,90	16%	18,79	4,08
VRE		24,15	GIẢM	TĂNG			25,48	-

Nguồn: YSVN

ĐỘ BIẾN ĐỘNG NGẪM ĐỊNH CỦA CHỨNG QUYỀN VS. ĐỘ BIẾN ĐỘNG QUÁ KHỨ CỦA CKCS



Nguồn: YSVN

(*) Cột màu cam là Độ biến động quá khứ của cổ phiếu cơ sở; Cột màu xanh là Độ biến động ngầm định của CW; Đường trend line màu xanh là tỷ lệ Độ biến động ngầm định/Độ biến động lịch sử.

(*) NĐT có thể sử dụng “Độ biến động ngầm định” để so sánh các chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở. Độ biến động ngầm định càng lớn thì kỳ vọng về mức độ biến động giá của CKCS càng cao (hay nói cách khác, Độ biến động ngầm định càng lớn thì chứng quyền càng đắt).

THÔNG TIN CHỨNG QUYỀN

Mã chứng quyền	TCPH	Thời hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá phát hành	Khối lượng phát hành	Giá thực hiện	Ngày giao dịch cuối cùng
CACB2304	BSI	12 tháng	3	1,490	2,000,000	23,000	23/09/2024
CACB2305	SSI	12 tháng	6	1,000	25,000,000	24,000	07/10/2024
CACB2306	VND	8 tháng	3	3,300	10,000,000	22,000	18/07/2024
CACB2307	VND	9 tháng	6	1,300	6,000,000	25,000	19/08/2024
CACB2401	VCI	#N/A	2	1,000	#N/A	25,000	17/06/2024
CFPT2305	VND	10 tháng	9.8844	4,000	2,000,000	67,214	15/04/2024
CFPT2309	HCM	9 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	80,064	03/05/2024
CFPT2310	HCM	12 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	84,512	02/08/2024
CFPT2313	SSI	10 tháng	10	2,200	12,000,000	100,000	07/08/2024
CFPT2314	SSI	16 tháng	10	2,600	11,000,000	100,000	07/01/2025
CFPT2315	MBS	6 tháng	8	3,200	2,000,000	80,000	22/04/2024
CFPT2316	VND	8 tháng	10	3,300	10,000,000	82,000	18/07/2024
CFPT2317	VND	12 tháng	15	2,500	5,000,000	101,000	19/11/2024
CFPT2318	CK VPBank	#N/A	8	2,800	#N/A	99,000	11/07/2024
CHDB2306	KISVN	12 tháng	3.4815	1,200	2,000,000	19,341	24/06/2024
CHPG2309	ACBS	12 tháng	3	1,200	18,000,000	24,000	22/05/2024
CHPG2315	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	27,777	21/06/2024
CHPG2316	KISVN	16 tháng	4	1,500	3,000,000	28,888	20/09/2024
CHPG2319	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	30,111	24/06/2024
CHPG2321	VND	10 tháng	3	3,400	10,000,000	24,500	15/04/2024
CHPG2322	VND	13 tháng	2	2,900	8,000,000	30,000	15/07/2024
CHPG2326	SSI	9 tháng	4	1,300	30,000,000	27,500	03/05/2024
CHPG2328	HCM	9 tháng	2	2,400	10,000,000	28,500	03/05/2024
CHPG2329	HCM	12 tháng	2	2,800	10,000,000	29,000	02/08/2024
CHPG2331	SSI	12 tháng	6	1,000	23,000,000	28,000	07/10/2024
CHPG2332	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	28,500	08/11/2024
CHPG2333	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	29,000	06/12/2024
CHPG2334	SSI	16 tháng	8	1,000	25,000,000	29,500	07/01/2025
CHPG2336	KISVN	7 tháng	4	1,100	8,000,000	28,111	02/05/2024
CHPG2337	KISVN	9 tháng	4	1,300	4,000,000	29,666	03/07/2024
CHPG2338	KISVN	12 tháng	4	1,600	4,000,000	29,999	03/10/2024
CHPG2339	KISVN	15 tháng	2	4,100	3,000,000	30,222	02/01/2025
CHPG2340	MBS	6 tháng	3	1,800	3,000,000	25,000	22/04/2024
CHPG2341	VND	8 tháng	2	3,000	10,000,000	30,000	18/07/2024
CHPG2342	VND	12 tháng	10	1,300	8,000,000	24,000	19/11/2024
CHPG2343	CK VPBank	#N/A	3	2,300	#N/A	28,000	12/06/2024
CHPG2401	VCI	#N/A	3	1,150	#N/A	31,000	17/06/2024
CMBB2306	ACBS	12 tháng	1.6965	1,800	15,000,000	16,965	22/05/2024
CMBB2309	SSI	9 tháng	4	1,000	35,000,000	19,000	03/05/2024
CMBB2311	HCM	9 tháng	2	1,700	7,000,000	19,000	03/05/2024
CMBB2312	HCM	12 tháng	2	1,900	7,000,000	19,500	02/08/2024
CMBB2314	SSI	10 tháng	4	1,100	23,000,000	20,000	07/08/2024
CMBB2315	SSI	16 tháng	4	1,300	20,000,000	20,000	07/01/2025
CMBB2316	KISVN	7 tháng	10	1,000	1,700,000	17,999	02/05/2024
CMBB2317	VND	9 tháng	5	1,300	10,000,000	20,000	19/08/2024
CMBB2318	VND	10 tháng	4	2,500	5,000,000	18,000	19/09/2024
CMBB2401	VCI	#N/A	2	1,060	#N/A	20,000	17/06/2024
CMSN2302	ACBS	12 tháng	6	3,300	3,000,000	66,000	22/05/2024
CMSN2307	KISVN	12 tháng	10	1,400	2,000,000	82,999	24/06/2024
CMSN2311	HCM	12 tháng	8	2,400	5,000,000	88,500	02/08/2024
CMSN2313	SSI	12 tháng	10	1,900	10,000,000	80,000	07/10/2024
CMSN2315	KISVN	7 tháng	10	1,200	3,000,000	81,999	02/05/2024
CMSN2316	KISVN	12 tháng	10	2,000	3,000,000	83,979	03/10/2024
CMSN2317	KISVN	15 tháng	8	2,900	2,000,000	86,868	02/01/2025
CMWG2305	ACBS	12 tháng	3.962	2,000	9,000,000	35,658	22/05/2024
CMWG2309	HCM	9 tháng	5	2,000	5,000,000	54,000	03/05/2024
CMWG2310	HCM	12 tháng	5	2,400	5,000,000	54,500	02/08/2024
CMWG2312	BSI	7 tháng	3	3,160	3,500,000	56,000	23/04/2024
CMWG2313	SSI	10 tháng	6	2,000	12,000,000	50,000	07/08/2024
CMWG2314	SSI	16 tháng	10	1,400	20,000,000	52,000	07/01/2025
CMWG2315	KISVN	7 tháng	20	1,000	1,300,000	48,888	02/05/2024
CMWG2316	ACBS	11 tháng	6	1,400	10,000,000	48,000	21/08/2024

CMWG2317	MBS	6 tháng	6	1,300	2,000,000	50,000	22/04/2024
CMWG2318	VND	8 tháng	6	3,000	5,000,000	42,000	18/07/2024
CNVL2305	KISVN	12 tháng	4	1,300	3,000,000	16,999	24/06/2024
CPDR2305	KISVN	12 tháng	4	1,300	3,000,000	20,222	24/06/2024
CPOW2306	KISVN	12 tháng	2	1,400	2,000,000	15,999	24/06/2024
CPOW2308	VND	10 tháng	5	1,300	10,000,000	12,000	15/04/2024
CPOW2309	VND	11 tháng	2	2,000	5,000,000	14,500	15/05/2024
CPOW2313	KISVN	9 tháng	2	1,300	3,000,000	12,888	03/07/2024
CPOW2314	KISVN	12 tháng	2	1,600	3,000,000	13,111	03/10/2024
CPOW2315	KISVN	15 tháng	2	1,800	3,000,000	13,456	02/01/2025
CSHB2302	KISVN	7 tháng	2	1,000	8,000,000	11,999	02/05/2024
CSHB2303	KISVN	9 tháng	2	1,100	8,000,000	12,345	02/07/2024
CSHB2304	KISVN	9 tháng	5	1,000	3,000,000	11,666	03/07/2024
CSHB2305	KISVN	12 tháng	5	1,000	3,000,000	12,555	03/10/2024
CSHB2306	KISVN	15 tháng	2	2,000	2,000,000	12,777	02/01/2025
CSTB2306	ACBS	12 tháng	2	2,600	19,000,000	30,000	22/05/2024
CSTB2312	KISVN	12 tháng	5	1,400	3,000,000	33,333	21/06/2024
CSTB2313	KISVN	16 tháng	5	1,500	3,000,000	35,555	20/09/2024
CSTB2316	KISVN	12 tháng	5	1,300	3,000,000	36,333	24/06/2024
CSTB2318	VND	11 tháng	4	2,000	6,000,000	32,000	15/05/2024
CSTB2319	VND	10 tháng	9	1,400	10,000,000	27,000	15/04/2024
CSTB2322	SSI	9 tháng	4	1,400	70,000,000	30,000	03/05/2024
CSTB2324	HCM	9 tháng	4	1,200	10,000,000	31,000	03/05/2024
CSTB2325	HCM	12 tháng	4	1,400	10,000,000	31,500	02/08/2024
CSTB2326	BSI	7 tháng	2	2,920	3,500,000	33,000	23/04/2024
CSTB2327	SSI	10 tháng	6	1,200	23,000,000	32,000	07/08/2024
CSTB2328	SSI	16 tháng	8	1,100	25,000,000	33,000	07/01/2025
CSTB2330	KISVN	7 tháng	4	1,100	8,000,000	33,999	02/05/2024
CSTB2331	KISVN	9 tháng	5	1,100	4,000,000	34,999	03/07/2024
CSTB2333	KISVN	15 tháng	2	4,600	3,000,000	36,111	02/01/2025
CSTB2334	ACBS	11 tháng	3	2,700	8,000,000	27,000	21/08/2024
CSTB2335	MBS	6 tháng	3	2,200	3,000,000	31,000	22/04/2024
CSTB2336	VND	6 tháng	5	2,000	5,000,000	31,000	17/05/2024
CSTB2337	VND	12 tháng	7	2,000	10,000,000	27,000	19/11/2024
CSTB2338	CK VPBank	#N/A	3	2,100	#N/A	29,000	12/06/2024
CSTB2401	VCI	#N/A	3	1,150	#N/A	31,000	17/06/2024
CTCB2302	ACBS	12 tháng	3	3,100	9,900,000	27,000	22/05/2024
CTCB2306	HCM	9 tháng	4	1,900	7,000,000	32,000	03/05/2024
CTCB2307	HCM	12 tháng	4	2,000	7,000,000	34,000	02/08/2024
CTCB2309	BSI	12 tháng	3	2,310	2,000,000	35,000	23/09/2024
CTCB2310	SSI	12 tháng	8	1,000	23,000,000	35,000	07/10/2024
CTCB2311	MBS	6 tháng	3	2,300	3,000,000	32,000	22/04/2024
CTCB2312	CK VPBank	#N/A	3	2,500	#N/A	32,600	11/07/2024
CTCB2401	VCI	#N/A	2	1,800	#N/A	34,000	17/06/2024
CTPB2304	KISVN	7 tháng	4	1,000	2,500,000	18,888	02/05/2024
CTPB2305	KISVN	9 tháng	4	1,100	3,000,000	19,333	03/07/2024
CTPB2306	KISVN	12 tháng	2	2,500	2,000,000	19,888	03/10/2024
CTPB2401	VCI	#N/A	2	1,000	#N/A	18,500	17/06/2024
CVHM2302	ACBS	12 tháng	4	3,800	8,000,000	50,000	22/05/2024
CVHM2307	KISVN	12 tháng	8	1,300	2,000,000	62,666	24/06/2024
CVHM2311	HCM	12 tháng	5	2,800	7,000,000	60,500	02/08/2024
CVHM2312	HCM	9 tháng	5	2,800	7,000,000	56,000	03/05/2024
CVHM2313	SSI	12 tháng	10	1,100	16,000,000	50,000	07/10/2024
CVHM2315	KISVN	7 tháng	8	1,100	3,000,000	50,888	02/05/2024
CVHM2316	KISVN	9 tháng	8	1,300	3,000,000	51,234	03/07/2024
CVHM2317	KISVN	12 tháng	8	1,500	3,000,000	52,345	03/10/2024
CVHM2318	KISVN	15 tháng	5	2,800	3,000,000	53,456	02/01/2025
CVHM2319	MBS	6 tháng	5	1,600	2,000,000	52,000	22/04/2024
CVHM2401	VCI	#N/A	4	1,100	#N/A	43,000	17/06/2024
CVIB2302	ACBS	12 tháng	1.6185	2,000	9,000,000	18,613	22/05/2024
CVIB2304	SSI	10 tháng	3.8879	1,100	20,000,000	19,439	07/08/2024
CVIB2305	SSI	16 tháng	5.8318	1,000	25,000,000	21,383	07/01/2025
CVIB2306	ACBS	11 tháng	1.9439	2,400	7,000,000	16,523	21/08/2024
CVIB2307	VND	9 tháng	4	2,000	5,000,000	21,000	19/08/2024
CVIB2401	VCI	#N/A	1.9439	1,150	#N/A	20,411	17/06/2024
CVIC2306	KISVN	12 tháng	8	1,300	2,000,000	62,222	24/06/2024

CVIC2308	SSI	10 tháng	10	1,100	16,000,000	50,000	07/08/2024
CVIC2309	SSI	12 tháng	10	1,100	15,000,000	52,000	07/10/2024
CVIC2312	KISVN	9 tháng	10	1,100	4,000,000	52,345	03/07/2024
CVIC2313	KISVN	12 tháng	10	1,300	4,000,000	53,456	04/10/2024
CVIC2314	KISVN	15 tháng	5	2,900	3,000,000	54,567	02/01/2025
CVNM2306	KISVN	12 tháng	9.4907	1,300	2,000,000	71,707	24/06/2024
CVNM2308	HCM	9 tháng	7.8398	1,800	5,000,000	67,619	03/05/2024
CVNM2310	SSI	10 tháng	9.7998	1,700	14,000,000	78,398	07/08/2024
CVNM2311	SSI	16 tháng	9.7998	2,200	12,000,000	78,398	07/01/2025
CVNM2313	KISVN	7 tháng	9.7998	1,100	3,000,000	82,298	02/05/2024
CVNM2314	KISVN	12 tháng	7.8398	1,600	3,000,000	85,148	03/10/2024
CVNM2315	KISVN	15 tháng	39199	4,400	3,000,000	87,108	02/01/2025
CVNM2316	MBS	6 tháng	9.7998	1,700	3,000,000	63,698	22/04/2024
CVPB2305	VND	10 tháng	2.8595	2,900	10,000,000	17,157	15/04/2024
CVPB2309	SSI	9 tháng	3.8126	1,100	35,000,000	21,446	03/05/2024
CVPB2311	HCM	9 tháng	1.9063	2,500	7,000,000	19,540	03/05/2024
CVPB2312	HCM	12 tháng	1.9063	2,700	7,000,000	20,016	02/08/2024
CVPB2314	SSI	10 tháng	3.8126	1,100	20,000,000	22,876	07/08/2024
CVPB2315	SSI	16 tháng	5.719	1,000	25,000,000	23,352	07/01/2025
CVPB2316	KISVN	7 tháng	4.7658	1,000	3,000,000	22,357	02/05/2024
CVPB2317	KISVN	9 tháng	3.8126	1,100	2,000,000	22,875	03/07/2024
CVPB2318	KISVN	12 tháng	3.8126	1,300	2,000,000	23,416	03/10/2024
CVPB2319	KISVN	15 tháng	1.9063	3,100	2,000,000	23,946	02/01/2025
CVPB2320	MBS	6 tháng	2.8595	1,500	3,000,000	20,970	22/04/2024
CVPB2321	VND	9 tháng	7	1,200	10,000,000	18,000	19/08/2024
CVPB2322	VND	10 tháng	4	2,000	5,000,000	20,000	19/09/2024
CVRE2303	ACBS	12 tháng	3	2,500	3,900,000	25,000	22/05/2024
CVRE2308	KISVN	12 tháng	5	1,300	2,000,000	31,333	24/06/2024
CVRE2312	HCM	9 tháng	4	1,600	5,000,000	27,500	03/05/2024
CVRE2313	HCM	12 tháng	4	1,600	5,000,000	29,500	02/08/2024
CVRE2315	SSI	12 tháng	8	1,000	25,000,000	30,000	07/10/2024
CVRE2317	KISVN	7 tháng	4	1,100	3,000,000	29,999	02/05/2024
CVRE2318	KISVN	9 tháng	4	1,300	3,000,000	30,999	03/07/2024
CVRE2319	KISVN	12 tháng	4	1,600	3,000,000	31,777	03/10/2024
CVRE2320	KISVN	15 tháng	2	3,500	3,000,000	32,333	02/01/2025
CVRE2321	MBS	6 tháng	4	1,200	2,000,000	29,000	22/04/2024
CVRE2322	VND	8 tháng	3	3,000	5,000,000	24,000	18/07/2024
CACB2304	BSI	12 tháng	3	1,490	2,000,000	23,000	23/09/2024
CACB2305	SSI	12 tháng	6	1,000	25,000,000	24,000	07/10/2024
CACB2306	VND	8 tháng	3	3,300	10,000,000	22,000	18/07/2024
CACB2307	VND	9 tháng	6	1,300	6,000,000	25,000	19/08/2024
CACB2401	VCI	#N/A	2	1,000	#N/A	25,000	17/06/2024
CFPT2305	VND	10 tháng	9.8844	4,000	2,000,000	67,214	15/04/2024
CFPT2309	HCM	9 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	80,064	03/05/2024
CFPT2310	HCM	12 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	84,512	02/08/2024
CFPT2313	SSI	10 tháng	10	2,200	12,000,000	100,000	07/08/2024
CFPT2314	SSI	16 tháng	10	2,600	11,000,000	100,000	07/01/2025
CFPT2315	MBS	6 tháng	8	3,200	2,000,000	80,000	22/04/2024
CFPT2316	VND	8 tháng	10	3,300	10,000,000	82,000	18/07/2024
CFPT2317	VND	12 tháng	15	2,500	5,000,000	101,000	19/11/2024
CFPT2318	CK VPBank	#N/A	8	2,800	#N/A	99,000	11/07/2024
CHDB2306	KISVN	12 tháng	3.4815	1,200	2,000,000	19,341	24/06/2024
CHPG2309	ACBS	12 tháng	3	1,200	18,000,000	24,000	22/05/2024
CHPG2315	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	27,777	21/06/2024
CHPG2316	KISVN	16 tháng	4	1,500	3,000,000	28,888	20/09/2024
CHPG2319	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	30,111	24/06/2024
CHPG2321	VND	10 tháng	3	3,400	10,000,000	24,500	15/04/2024
CHPG2322	VND	13 tháng	2	2,900	8,000,000	30,000	15/07/2024
CHPG2326	SSI	9 tháng	4	1,300	30,000,000	27,500	03/05/2024
CHPG2328	HCM	9 tháng	2	2,400	10,000,000	28,500	03/05/2024
CHPG2329	HCM	12 tháng	2	2,800	10,000,000	29,000	02/08/2024
CHPG2331	SSI	12 tháng	6	1,000	23,000,000	28,000	07/10/2024
CHPG2332	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	28,500	08/11/2024
CHPG2333	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	29,000	06/12/2024
CHPG2334	SSI	16 tháng	8	1,000	25,000,000	29,500	07/01/2025
CHPG2336	KISVN	7 tháng	4	1,100	8,000,000	28,111	02/05/2024

CHPG2337	KISVN	9 tháng	4	1,300	4,000,000	29,666	03/07/2024
CHPG2338	KISVN	12 tháng	4	1,600	4,000,000	29,999	03/10/2024
CHPG2339	KISVN	15 tháng	2	4,100	3,000,000	30,222	02/01/2025
CHPG2340	MBS	6 tháng	3	1,800	3,000,000	25,000	22/04/2024
CHPG2341	VND	8 tháng	2	3,000	10,000,000	30,000	18/07/2024
CHPG2342	VND	12 tháng	10	1,300	8,000,000	24,000	19/11/2024
CHPG2343	CK VPBank	#N/A	3	2,300	#N/A	28,000	12/06/2024

Nguồn: FiinPro, YSVN

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

+84 28 3622 6868 ext 3826

research.re@yuanta.com.vn

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 months Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written.